

Bản án số: 192/2017/DS-PT

Ngày 21 - 8 - 2017

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Công Lý

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 354/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1951.

Địa chỉ: đường L, Khóm 4, Phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thu D, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T:* Bà Trần Thu D (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2014 - có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thu C, sinh năm 1951.

Địa chỉ: đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Trần Quốc T.

Địa chỉ: đường N, Khóm 8, Phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2016 - có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Magnolia ST.SPC 158 West Minster CA 92683 USA

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Bà Trần Thu D (theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2016 – có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thu C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Trần Thu D, ông Trần Văn T, bà Trần Thu C thống nhất trình bày:* Cha mẹ các ông bà là cụ Trần S, sinh năm 1921(chết ngày 27/3/ 2007) và cụ Huỳnh Thị N, sinh năm 1924 (chết ngày 02/5/1997) có tất cả 7 người con (con chung 04 người và con riêng 03 người), gồm:

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1942 (chết năm 1963 không có vợ, con); Bà Phan Thị H, sinh năm 1942; Ông Trần Văn T, sinh năm 1944; Bà Trần Thu C, sinh năm 1949; Bà Trần Thu D, sinh năm 1951; Bà Trần Tuyết H, sinh năm 1952 (đã chết năm 1995 không có chồng, con); Bà Trần Tuyết T (chết lúc nhỏ).

Di sản do cụ S và cụ N để lại là căn nhà và đất có diện tích 89,43m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, tại thửa 169, tờ bản đồ số 03, nhà được xây dựng 01 lửng 02 lầu tọa lạc tại đường L, khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hiện nay do bà C quản lý, không còn di sản nào khác.

Tổng trị giá căn nhà và đất các đương sự thống nhất mức giá 03 tỷ đồng, không yêu cầu định giá.

*Bà Trần Thu D trình bày:* Bà D cho rằng cụ S chết không để lại di chúc, tờ di chúc xác lập ngày 16/10/2000 có những điểm chưa phù hợp nên bà không công nhận tờ di chúc trên. Bà D yêu cầu được chia 1/3 trị giá căn nhà và đất.

*Ông Trần Văn T trình bày:* Ông T có cùng ý kiến với bà D, không công nhận bản di chúc và yêu cầu xử lý di sản theo pháp luật. Ông yêu cầu được nhận 1/3 trị giá căn nhà và đất.

*Bà Trần Thu C trình bày:* Tờ di chúc ngày 16/10/2000 được xác lập theo đúng ý chí của cha bà là cụ Trần S có chứng thực của chính quyền địa phương. Nay trước yêu cầu của bà D và ông T bà không đồng ý chia di sản trên. Bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng căn nhà số 43 cho bà quản lý.

Bà Phan Thị H hiện đang định cư ở Mỹ có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối nhận di sản trên.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2009/DS-ST ngày 31/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Văn T, bà Trần Thu D về việc chia thừa kế căn nhà số 43, đường Lý Bôn, khóm 6, Phường 2, thành phố C.

Buộc bà Trần Thu C giao cho ông Trần Văn T và bà Trần Thu D mỗi người 375.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2009, bị đơn bà Trần Thu C có đơn kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 14/2010/DS-PT ngày 29/01/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Tại công văn số 08/CTHA-NV ngày 07/10/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C có nội dung: Tòa án các cấp xét xử chỉ buộc bà C phải giao trả kỷ phần dân sự thừa kế bằng giá trị cho ông T, bà D mỗi người 375.000.000 đồng nhưng lại không xác định bà C có quyền sở hữu như thế nào đối với căn nhà và đất đường L, Phường 2, thành phố C.

Tại quyết định kháng nghị số 537/2012/KN-DS ngày 28/12/2012, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

*Tại Quyết định giám đốc thẩm số 84/2013/DS-GĐT ngày 08/7/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:*

Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 14/2010/DS-PT ngày 29/01/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2009/DSST ngày 31/7/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn là ông Trần Văn T, bà Trần Thu D với bị đơn là bà Trần Thu C. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2015/DS-ST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:* Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T, bà Trần Thu D về việc chia thừa kế căn nhà đường L, khóm 6, Phường 2, thành phố C. Buộc bà Trần Thu C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn T, bà Trần Thu D mỗi người 450 triệu đồng; Giao căn nhà đường L cho bà Trần Thu C quản lý sử dụng, bà C được quyền đăng ký quyền sở hữu. Không chấp nhận yêu cầu

phản tố của bà Trần Thu C về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế 71,44m<sup>2</sup> tọa lạc tại đường L, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07/10/2015, bà Trần Thu C kháng cáo.

*Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 148/2016/DS-PT ngày 11/7/2016 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:* Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2015/DS-ST ngày 25/9/2015 và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại.

Khi giải quyết lại vụ án, bà Phan Thị H trình bày: Di sản cha mẹ bà là cụ S và cụ N để lại là nhà và đất số 43 đường Lý Bôn, Phường 2, thành phố C. Trước đây bà từ chối không nhận di sản mà để lại cho các em bà là ông T, bà D và bà C cùng hưởng. Nay bà thay đổi xin nhận di sản nhưng phần của bà, bà cho ông T và bà D.

Bà C thống nhất việc chia thừa kế theo như bản án dân sự sơ thẩm trước đây, bà chỉ yêu cầu xem xét phần chi phí quản lý tôn tạo nhà đất, công sức chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ để trừ vào giá trị di sản trước khi chia thừa kế. Bà rút lại yêu cầu phản tố đối với nhà, đất tại số 59/15 đường L của bà Hoa, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 28/02/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T, bà Trần Thu D về việc chia thừa kế căn nhà đường L, khóm 6, Phường 2, thành phố C. Buộc bà Trần Thu C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn T, bà Trần Thu D mỗi người 444.555.000 đồng; Giao căn nhà đường L cho bà Trần Thu C quản lý, sử dụng; Bà C được quyền đăng ký thủ tục quyền sở hữu.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Trần Thu C về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế 71,44m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 59/15 Lý Bôn, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí đo đạc, án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 14/3/2017, bị đơn bà Trần Thu C có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại phần chi phí quản lý, sửa chữa nhà đất là di sản và chi phí chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ với tổng số tiền là 890.810.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án. Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là tranh chấp về chia thừa kế. Di sản thừa kế là nhà, đất tại đường L, khóm 6, Phường 2, thành phố C hiện do bà Trần Thu C quản lý. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế và cách phân chia di sản theo bản án sơ thẩm số 07/2015/DS-ST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và tại bản án dân sự phúc thẩm số 148/2016/DS-PT ngày 11/7/2016 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định việc phân chia như trên là đúng pháp luật. Các đương sự chỉ còn tranh chấp đối với yêu cầu của bà C về chi phí quản lý, sửa chữa di sản và chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ để trừ vào giá trị di sản, phần còn lại mới chia thừa kế. Còn bà D, ông T thì không đồng ý với yêu cầu này của bà C.

[2] Xét thấy, bà C khai rằng đã bỏ tiền ra sửa chữa nhà (di sản) là 290 triệu đồng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Trong khi đó, bà D khai căn nhà trên chỉ sửa chữa có một lần vào năm 1998, tiền do cha của các đương sự bỏ ra khi ông còn sống vì cha mẹ lúc sinh thời là hộ gia đình hoạt động kinh doanh khá giả. Thực tế bà C có sinh sống và sử dụng căn nhà trên làm địa điểm kinh doanh đại lý vé số kiến thiết cấp 1 trên 10 năm, bà đã được hưởng lợi từ việc sử dụng mặt bằng nhà rất lớn mà các thừa kế khác không có được. Đối với yêu cầu khoản tiền chăm sóc cha (cụ S) 290.400.000 đồng, thấy rằng bà C đã được hưởng  $\frac{1}{2}$  di sản là toàn bộ phần của cha bà để lại (giá trị hơn 1,5 tỷ đồng) mà các thừa kế khác không có, hơn nữa ở 2 năm cuối đời cụ Suối đã về sống với ông T nên bà yêu cầu thêm phần công sức chăm sóc cha là không hợp lý. Đối với khoản tiền chăm sóc mẹ, bà C yêu cầu 188.760.000 đồng, tuy nhiên bà không có chứng cứ nào chứng minh cho khoản chi phí này, trên thực tế thì cụ Nga chỉ bị bệnh cho đến khi mất khoảng một năm nên Tòa sơ thẩm căn cứ mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng, tính trong 01 năm để làm chi phí cho việc chăm sóc cụ Nga và chia đều trách nhiệm cho các con (thừa kế) là thỏa đáng.

[3] Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về chia thừa kế di sản của cụ N là  $\frac{1}{2}$  giá trị của căn nhà đường L bằng 1,5 tỷ đồng, chia 5 phần cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi phần 300 triệu đồng. Trong đó, phần của bà Hoa đồng ý cho lại ông T và bà D, nên ông T, bà D mỗi người được 450 triệu, trừ phần chi phí nghĩa vụ chăm sóc bà N (mẹ) 5.445.000 đồng, mỗi người còn được nhận 444.555.000 đồng. Đối với căn nhà hiện bà C đang ở nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà C được quản lý sở hữu và có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T, bà D mỗi người 444.555.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật, bà Trần Thu C kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm

không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên. Tuy nhiên, phiên tòa sơ thẩm được tuyên án ngày 28/02/2017, thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản là không phù hợp, cần chỉnh sửa lại theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 675, 676, 677 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thu C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, bà Trần Thu D về việc chia thừa kế căn nhà đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Buộc bà Trần Thu C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn T và bà Trần Thu D mỗi người 444.555.000 đồng; Giao căn nhà đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho bà Trần Thu C quản lý, sử dụng; Bà Trần Thu C được quyền đăng ký làm thủ tục cấp quyền sở hữu nhà đất đường L, Khóm 6, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T, bà Trần Thu D mỗi người phải chịu 29.782.000 đồng. Khấu trừ 28.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 013464 ngày 07/4/2009 (10.000.000 đồng) và biên lai số 038369 năm 2010 (không rõ ngày tháng – 18.500.000 đồng) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C. Ông T, bà D mỗi người còn phải nộp tiếp 15.532.000 đồng.

Bà Trần Thu C phải chịu 28.439.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai số 000562 ngày 21/01/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C, còn phải nộp tiếp 24.439.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thu C phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001039 ngày 15/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- ND (2);
- BD (1);
- NLQ (1);
- Lưu (3) HS (2) 14b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Công Lý**